

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 12 - 2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Bé
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số xx, lộ Đ, khóm 0xx, phường Đ, khu T, thành phố T, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2020, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T được bạn giới thiệu quen biết và tìm hiểu với anh C. Sau đó, chị T và anh C kết hôn, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 14/5/2018.

Ngày 22/8/2018 chị T được Văn phòng Văn hóa Kinh tế Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh phỏng vấn để xin visa sang Đài Loan đoàn tụ cùng anh C nhưng bị từ chối. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm bất hòa. Từ

cuối năm 2018 đến tháng 8/2020 anh C không liên lạc, không trở về Việt Nam thăm chị T. Chị T có điện thoại cho anh C nhưng không liên lạc được, thông qua người mai mối anh C gửi các thủ tục ly hôn cho chị T. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ với nhau nên không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bản tự khai ngày 28/9/2020 anh C trình bày: Anh C được bạn bè giới thiệu và tìm hiểu chị T. Đến ngày 14/5/2018 anh và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó, vợ chồng nộp hồ sơ phỏng vấn tại Văn phòng Kinh tế Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh để xin cấp Visa cho chị T sang Đài Loan đoàn tụ, chung sống và được phỏng vấn một lần vào ngày 22/8/2018 nhưng bị văn phòng từ chối. Sau đó, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tình cảm bất hòa. Từ cuối năm 2018 cho đến tháng 8/2020 anh C không sang Việt Nam, không liên lạc và quan hệ với chị T, chị T cũng không liên lạc với anh C. Anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục kéo dài hôn nhân và vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ với nhau. Nay anh C thuận tình ly hôn với chị T và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh C và chị T thống nhất chị T chịu trách nhiệm nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T là công dân Việt Nam, có địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và anh C là công dân nước ngoài, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), không có địa chỉ ở Việt Nam. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền chung của Tòa án Việt Nam được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ án theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh C là bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 14/5/2018 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị T và anh C thống nhất xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bị Văn phòng Văn hóa Kinh tế Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh từ chối cấp thị thực nhập cảnh cho chị T vào Lãnh thổ Đài Loan đoàn tụ cùng anh C. Do đó, từ cuối năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống xa nhau, không liên lạc với nhau, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn được anh C thống nhất thuận tình ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định cho chị T được ly hôn với anh C.

[2.2] Về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh C thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn với anh C.
2. Về nuôi con chung: Không có.
3. Về chia tài sản: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006072 ngày 16/11/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND huyện C;
- Lưu HS, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Kim Oanh